

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/05/2022.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Hoàng Kiệt.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 05 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Th, sinh năm 1978.

**Bị đơn:** Ông Trương Văn M, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 23/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:**

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Th và ông Trương Văn M (sau đây gọi tắt là bà Th, ông M) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống ông M không quan tâm chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác,

thường có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Th, do đó bà Th yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà Th và ông M có 04 người con chung tên Trương Văn Hữu, sinh năm 1995, Trương Huỳnh Như, sinh năm 2001, Trương Văn Biết, sinh ngày 17/8/2010 và Trương Thanh Phương, sinh ngày 23/8/2020.

Hai người con lớn là Trương Văn Hữu và Trương Huỳnh Như đã có gia đình và sống riêng, còn 02 người con là Trương Văn Biết và Trương Thanh Phương thì đang sống với bà Th. Vợ chồng ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trương Văn Biết và Trương Thanh Phương. Không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà Th và ông M không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Trương Văn M được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

*Tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp:*

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th cung cấp: Giấy xác nhận nơi cư trú của ông Trương Văn M; Bản tự khai của cháu Trương Văn Biết.

Bị đơn cung cấp: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Ông Trương Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông M cũng không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Th và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên về mặt pháp luật bà Th và ông M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Th và ông Trương Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

*Về con chung:* Bà Th và ông M được 04 người con chung, trong đó có 02 người con đã trưởng thành. Còn 02 người con nhỏ là Trương Văn Biết, sinh ngày

17/8/2010 và Trương Thanh Phương, sinh ngày 23/8/2020 đang sống với bà Th.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, trong đó có quyền yêu cầu cấp dưỡng cho con sau khi cha mẹ ly hôn nhưng bà Th không yêu cầu ông M cấp dưỡng, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét buộc ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, hiện tại thu nhập chính của bà Th là từ bán vé số dạo, thu nhập bình quân mỗi ngày từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng vừa đủ mẹ con trang trải cuộc sống. Theo bà Th trình bày thì ông M đang chung sống với người phụ nữ khác, như vậy nếu có giao con cho ông M nuôi dưỡng thì cũng không đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Cháu Biết cũng có nguyện vọng được sống với mẹ và em (Trương Thanh Phương). Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung là Trương Văn Biết và Trương Thanh Phương cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà Th trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]. Về án phí:** Bà Th phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0003072 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Th và ông Trương Văn M.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung tên Trương Văn Biết, sinh ngày 17/8/2010 và Trương Thanh Phương, sinh ngày 23/8/2020 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Th.

**3. Về chia tài sản và nợ chung:** Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí:** Bà Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0003072 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận**

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THA huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khanh**